TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HỒNG** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST
Ngày 03-3-2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG - TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phương Khánh.

2. Ông Trần Chí Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quốc Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 03-3-2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 307/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trịnh Thị Thùy L, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Khóm A, phường T, huyện N, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Lê Thanh T, sinh năm 1977.

Nơi đăng ký HKTT: Khóm A, phường T, huyện N, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Ấp L, xã B, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

Chị L và anh T đều vắng mặt tại phiên tòa (cả hai đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Trịnh Thị Thùy L có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo đơn khởi kiện ngày 11-11-2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị L trình bày:

Vào năm 2000, chị L và anh T có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Chị L và anh T có 02 con chung tên Lê Thùy D, sinh ngày 27-4-2002

và Lê Tuấn K, sinh ngày 22-4-2007, hiện các con đang sống cùng với chị L. Do cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, có thời gian ly thân từ tháng 12-2019 đến nay, trong thời gian ly thân không thể hàn gắn, tình cảm không còn, có sống chung cũng không hạnh phúc. Nên chị L yêu cầu giải quyết những vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Lê Thanh T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thùy D, sinh ngày 27-4-2002 và Lê Tuấn K, sinh ngày 22-4-2007. Chị L yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn Lê Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh T trình bày:

Qua trình bày của chị L, anh T thống nhất là vào năm 2000, anh T và chị L có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Nay chị L yêu cầu ly hôn anh T đồng ý; Về con chung: Anh T thống nhất có 02 con chung tên Lê Thùy D, sinh ngày 27-4-2002 và Lê Tuấn K, sinh ngày 22-4-2007, hiện các con đang sống cùng chị L và các con có nguyện vọng được sống cùng chị L nên anh T đồng ý để chị L tiếp tục được nuôi dưỡng 02 con chung, anh T không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Xét thấy, Tòa án thụ lý vụ án ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa nguyên đơn Trịnh Thị Thùy L và bị đơn Lê Thanh T vắng mặt (cả hai đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt). Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị L và anh T.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị L và anh T tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2000 cho đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình quy định:

"1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

Do đó, không công nhận chị Trịnh Thị Thùy L và anh Lê Thanh T là vợ chồng.

Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình quy định:

"...

2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của luật này; nếu có yêu cầu về con chung và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.". Do vậy:

- Về con chung: Chị L và anh T đều thừa nhận trong thời gian sống chung với nhau như vợ chồng có 02 con chung tên Lê Thùy D, sinh ngày 27-4-2002 và Lê Tuấn K, sinh ngày 22-4-2007, hiện các con đang sống cùng chị L và các con có nguyện vọng được sống cùng chị L. Khi ly hôn, anh chị thống nhất tiếp tục giao con cho chị L trực tiếp nuôi, sự tự nguyện thỏa thuận về nuôi con của anh chị phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận. Anh T vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, anh T cũng không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị L và anh T trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị L và anh T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. ***Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình:*** Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh T không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng vào các Điều 9, 14, 51, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trịnh Thị Thùy L và anh Lê Thanh T là vợ chồng.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Lê Thùy D, sinh ngày 27-4-2002 và Lê Tuấn K, sinh ngày 22-4-2007 cho chị Trịnh Thị Thùy L tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng (hiện các con đang sống cùng chị L và các con có nguyện vọng được sống cùng chị L). Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu, anh T cũng không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình:

Chị Trịnh Thị Thùy L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số BH/2017/0008389 ngày 04-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng. Chị L đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Anh Lê Thanh T không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn Trịnh Thị Thùy L và bị đơn Lê Thanh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Thị Thùy Dung